

3 **Đặc tính, thông số kỹ thuật**

a. Tính năng

- Kiểu máy: hoàn toàn tự động, truy cập ngẫu nhiên
- Công suất xét nghiệm: 270 xét nghiệm sinh hóa/giờ
- Kiểu đo: Điểm cuối, Điểm cuối 2 điểm, Động học, Động học 2 điểm
- Phương pháp phát hiện: Đo trực tiếp độ hấp thụ trong công phản ứng một màu hoặc hai màu
- Phương pháp đo:
 - + Xét nghiệm sinh hoá sử dụng phương pháp đo quang
 - + Miễn dịch độ đục bằng phương pháp đo quang (Hóa chất Latex)
- Số lượng xét nghiệm đồng thời đo được: 50 xét nghiệm
- Số phương pháp phân tích có sẵn: 240 phương pháp (mẫu huyết thanh: 60, mẫu huyết tương: 60, mẫu nước tiểu: 60, mẫu khác: 60)
- Hệ thống mở (sử dụng hóa chất của hãng khác): Có
- Lưu trữ kết quả đo: 1.000.000 kết quả
- Lưu trữ kết quả QC: 50.000 kết quả

b. Quản lý mẫu bệnh phẩm

- Khay bệnh phẩm:
 - + Có thể tháo rời
 - + Số vị trí đặt mẫu bệnh phẩm (Có sẵn STAT): 40 vị trí
 - + Số vị trí đặt calibrator, QC: 10 vị trí
- Kim hút mẫu bệnh phẩm có cảm biến mức chất lỏng, phát hiện cục máu đông, phát hiện va chạm
- Máy có chức năng cảnh báo khi xét nghiệm được chọn chế độ hút mẫu với thể tích ít hơn (cờ báo "b" - Khi thể tích mẫu "Low" được chọn với chế độ hút mẫu ít) hoặc với thể tích nhiều hơn (cờ báo "#" - Khi thể tích mẫu "High" được chọn với chế độ hút mẫu cao)
- Loại mẫu: huyết thanh, huyết tương, nước tiểu
- Thể tích mẫu bệnh phẩm:
 - + Thể tích hút mẫu tối thiểu: 1.5 µl (bước chỉnh mức 0.1 µl)
 - + Thể tích hút mẫu tối đa: 35 µl (bước chỉnh mức 0.1 µl)
- Có vị trí dành cho mẫu cấp cứu

c. Quản lý hóa chất

- Khay đựng hóa chất:
 - + Có thể tháo rời.
 - + Số vị trí đặt hóa chất: 50 vị trí (25 vị trí cho lọ hóa chất 70ml, 25 vị trí cho lọ hóa chất 20ml)
 - + Làm mát hóa chất: bằng Peltier (8 – 15°C)
- Khả năng tính toán thể tích hóa chất còn lại: Có
- Kim hút hóa chất có cảm biến mức chất lỏng và phát hiện va chạm
- Thể tích hóa chất:
 - + R1: 20 µl đến 250 µl (bước chỉnh 1 µl)
 - + R2: 20 µl đến 180 µl (bước chỉnh 1 µl)

d. Quản lý buồng phản ứng

- Cuvettes:

	+ Số cuvette: 72 + Loại: Nhựa + Thể tích phản ứng tối thiểu: 100 μl + Thể tích phản ứng tối đa: 350 μl + Quang lộ: 5 mm - Thời gian ủ: 10 phút (R1: 5 phút, R2: 5 phút đối với xét nghiệm 2 hoá chất) - Nhiệt độ phản ứng: $37^{\circ}\text{C} \pm 0.1^{\circ}\text{C}$ - Hệ thống khuấy: Loại khuấy xoay với 5 tốc độ - Hệ thống rửa tự động: phương pháp làm sạch hiệu quả giảm thiểu nhiễm chéo và lây nhiễm - Hệ thống phản ứng: gia nhiệt trực tiếp <i>e. Hệ thống quang học</i> - Số bước sóng: 12 bước sóng: 340, 380, 415, 450, 510, 546, 570, 600, 660, 700, 750 và 800 nm. - Nguồn sáng: Bóng Halogen Tungsten - Lựa chọn bước sóng: Phương pháp cách tử - Tiêu thụ nước: 5L/giờ		
4	Yêu cầu khác - Thời gian giao hàng: 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng - Thiết bị được bảo hành 12 tháng kể từ khi nghiệm thu. - Nhà cung cấp chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho người sử dụng - Nhà cung cấp trao đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng - Nhà cung cấp cam kết cung cấp phụ tùng thay thế trong vòng ít nhất 05 năm - Có báo giá phụ tùng thay thế - Có báo giá bảo trì, bảo dưỡng		



PHỤ LỤC 2

Mẫu báo giá

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

(Đính kèm yêu cầu báo giá ngày tháng năm 2023
của Trung tâm y tế huyện Phú Ninh)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Trung tâm y tế huyện Phú Ninh.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm y tế huyện Phú Ninh chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan.

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ Chưa VAT(VND)	Thuế VAT(VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A										
2	Thiết bị B										
n	...										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....
**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,
 nhà cung cấp⁽¹²⁾**
 (Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.